



BẢN TIN 02. CHUẨN BỊ ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI QUY ĐỊNH CHỐNG MẤT RỪNG CỦA EU - VAI TRÒ CỦA HIỆP HỘI VÀ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM

Tô Xuân Phúc & Lương Kim Anh

Tháng 10 năm 2023

Một số nét chính

EUDR bắt đầu có hiệu lực từ 29/06/2023. Hiện tại có 7 nhóm mặt hàng chịu sự điều chỉnh của EUDR. Việt Nam hiện có ba mặt hàng xuất khẩu vào EU, bao gồm cà phê, gỗ và cao su. Để được phép lưu thông các mặt hàng này tại EU các doanh nghiệp (DN) nhập khẩu từ EU cần đảm bảo sản phẩm là hợp pháp và không gây mất rừng và suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là mất rừng) với thời điểm mất rừng tính từ 30/12/2020 trở về sau. DN có 18 tháng (DN lớn) hoặc 24 tháng (DN vừa và nhỏ) sau khi EUDR có hiệu lực để chuẩn bị đáp ứng với các yêu cầu của EUDR. Do các DN Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp ba mặt hàng này cho EU, nhiều yêu cầu của EUDR sẽ được nhà nhập khẩu EU chuyển tải tới các DN xuất khẩu Việt Nam (DN Việt Nam) và các bên liên quan khác tham gia chuỗi cung.

Bản tin này tóm tắt các yêu cầu của EUDR đối với các Hiệp hội ngành hàng và DN xuất khẩu của Việt Nam. Một số quy định quan trọng của EUDR các DN Việt Nam xuất khẩu 3 mặt hàng nêu trên vào EU cần đáp ứng bao gồm:

- **Quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng:** DN cần thu thập thông tin, đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng của mình. Ngoài các thông tin về sản phẩm và nhà sản xuất, EUDR yêu cầu DN cung cấp thông tin tọa độ địa lý của thửa đất sản xuất ra lô hàng đó cùng các bằng chứng chứng minh hoạt động sản xuất không gây ra mất rừng trên các diện tích này.
- **Phân loại rủi ro đối với quốc gia (vùng) sản xuất:** Các quốc gia hoặc vùng sản xuất thuộc quốc gia sản xuất hàng hóa xuất khẩu vào EU sẽ được EU đánh giá và phân loại rủi ro mất rừng theo các mức cao (high), trung bình (standard) và thấp (low). Hàng hóa có xuất xứ từ các quốc gia/vùng bị phân loại rủi ro càng cao thì càng bị kiểm soát chặt chẽ khi nhập khẩu vào EU và ngược lại.

Năm 2022 Việt Nam đã xuất khẩu sang EU gần 3 tỷ USD giá trị nguyên liệu và sản phẩm làm từ ba mặt hàng này, bao gồm cà phê (hơn 1,5 tỷ USD), cao su (hơn 580 triệu USD), và gỗ (gần 700 triệu USD). Đặc điểm chung của cả ba ngành hàng này của Việt Nam là diện tích sản xuất ổn định từ lâu, các diện tích mới mở rộng nhỏ nên mức độ rủi ro về mất rừng sau ngày 30/12/2020 thấp. Tuy nhiên, chuỗi cung của cả ba ngành này đều có sự tham gia của hàng triệu nông hộ (hộ tiểu điền) tham gia vào khâu sản xuất vào khâu sản xuất. Chuỗi cung thường dài, phức tạp với đội ngũ tư thương đồng đảo phụ trách khâu thu mua nguyên liệu từ các hộ, cơ chế kiểm tra giám sát các giao dịch giữa hộ và tư thương chưa chặt chẽ. Điều này làm cho việc truy xuất nguồn gốc khó khăn. Ngoài ra, do một số hộ hiện còn thiếu giấy chứng nhận sử dụng đất minh chứng hộ là chủ thể hợp pháp của thửa đất canh tác của mình và do vậy tạo ra rủi ro về pháp lý cho hàng hóa.

Tập trung vào ý nghĩa của EUDR đối với các DN Việt Nam, Bản tin này thảo luận và đưa ra các kiến nghị cho các DN Việt Nam, bao gồm:

- Các DN cần chủ động rà soát chuỗi cung ứng hiện tại của mình, xác định các rủi ro và từ đó đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro này. Đối với chuỗi cung của mình, các DN cần phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan trong chuỗi, đặc biệt là mạng lưới tư thương, các nông hộ những người cung nguyên liệu đầu vào cho DN, nhằm đáp ứng với các yêu cầu của EUDR, bao gồm yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, về vị trí của thửa đất sản xuất.
- Các DN xuất khẩu cần chủ động hợp tác với các DN nhập khẩu của EU, nhằm nắm bắt đầu đủ các yêu cầu về EUDR, tìm kiếm nguồn lực từ các DN nhập khẩu này nhằm thay đổi, điều chỉnh chuỗi cung hiện tại của mình nhằm đáp ứng chặt chẽ các yêu cầu của EUDR.
- Các DN nên ưu tiên cho việc xây dựng các chuỗi cung nguyên liệu có chứng chỉ bền vững. Chuỗi cung này giúp DN đáp ứng được các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Các hiệp hội ba ngành hàng này và DN cần chủ động đánh giá toàn bộ chuỗi cung của ngành mình nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan bao gồm cả EU và nhà nhập khẩu từ EU.
- Các hiệp hội có thể chủ trì việc xây dựng các báo cáo tổng quan về ngành để cung cấp thông tin về thực trạng sản xuất, các vùng nguyên liệu, chuỗi cung ứng, mối liên kết trong khâu sản xuất với nguồn tài nguyên rừng v.v. và chia sẻ thông tin rộng rãi với các bên liên quan để các bên cập nhật được các thông tin khách quan về ngành, bao gồm cả những rủi ro liên quan tới mất rừng.
- Các hiệp hội cần tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để tập huấn, tuyên truyền thông tin về các yêu cầu EUDR đến các DN, tới đội ngũ thương lái và nông hộ sản xuất tham gia chuỗi.

1. Giới thiệu

Tháng 12 năm 2022 Ủy ban Châu Âu (EC) đã công bố việc Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu cùng thống nhất bỏ phiếu thông qua Quy định chống mất rừng (EU Deforestation Regulation, EUDR), theo đó cấm lưu thông đối với các sản phẩm gây mất rừng và suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là mất rừng) kể từ 30/12/2020 tại thị trường EU. Hiện bảy mặt hàng nằm trong sự kiểm soát của EUDR bao gồm gia súc, cà phê, ca cao, cao su, đậu nành, dầu cọ, và gỗ. EUDR quy định các công ty nhập khẩu tại EU chỉ được phép nhập khẩu các mặt hàng này vào khối nếu đáp ứng được ba yêu cầu: (i) Sản phẩm hợp pháp, với các hoạt động trong chuỗi cung, từ khâu sản xuất tới xuất khẩu đáp ứng được toàn bộ các yêu cầu đối với các khâu này của quốc gia sản xuất; (ii) Sản phẩm mà quá trình sản xuất không gây mất rừng; và (iii) Trước khi nhập khẩu các mặt hàng này vào EU các công ty nhập khẩu cần thu thập thông tin về chuỗi cung của mình, đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ rủi ro. Doanh nghiệp (DN) cần khai báo thông tin về ba yêu cầu này vào bản Cam kết thẩm định chuỗi cung (Due Diligence Statement) và nộp cho cơ quan kiểm soát nhập khẩu của EU trước khi nhập khẩu.

EUDR chính thức có hiệu lực vào ngày 29/06/2023. Tùy theo quy mô của mình, các doanh nghiệp nhập khẩu sẽ có 18 tháng (doanh nghiệp lớn) hay 24 tháng (doanh nghiệp nhỏ) để chuẩn bị. EUDR sẽ chính thức được thực thi sau đó.

EU là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam, bao gồm các sản phẩm nông – lâm nghiệp. Từ nguồn số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Việt Nam, Forest Trends đã tính toán và cho thấy năm 2022 Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường EU gần 3 tỷ USD giá trị nguyên liệu và sản phẩm làm từ cà phê, gỗ và cao su. Cụ thể, trong năm này xuất khẩu cà phê từ Việt Nam sang EU năm đạt hơn 1,5 tỷ USD, xuất khẩu cao su đạt hơn 580 triệu USD, và gỗ đạt gần 700 triệu USD. Với quy mô xuất khẩu này, thực thi EUDR có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với ba ngành hàng này của Việt Nam trong thời gian tới.

Các yêu cầu của EUDR sẽ được các nhà nhập khẩu EU chuyển tới các DN xuất khẩu Việt Nam; các DN xuất khẩu này sẽ tiếp tục chuyển các yêu cầu này tới các bên trực tiếp tham gia chuỗi cung ứng của mình, bao gồm các cơ sở chế biến, các đại lý thu mua và các nông hộ sản xuất. Hiện chuỗi cung của ba ngành này tương đối phức tạp, với nhiều bên tham gia, Đáp ứng các yêu cầu của EUDR đòi hỏi cần có thời gian, nguồn lực về con người và tài chính.

Bản tin 02. Thúc đẩy với Quy định chống mất rừng của EU: Vai trò của hiệp hội và doanh nghiệp xuất khẩu tóm tắt các yêu cầu của EUDR đối với các DN nhập khẩu của EU và từ đó đưa ra một số kiến nghị cho DN xuất khẩu của Việt Nam nhằm đáp ứng với các yêu cầu của EUDR.

2. Quy định chống mất rừng của EU là gì?

Bối cảnh ra đời và mục tiêu

Sau nhiều năm nghiên cứu soạn thảo và trải qua quá trình phê duyệt kéo dài từ năm 2021, Liên minh Châu Âu (EU) đã ban hành Quy định số 2023/1115 về việc xuất nhập khẩu một số mặt hàng nông – lâm sản có nguy cơ làm mất rừng và gây suy thoái rừng, hay còn gọi tắt là Quy định Chống mất rừng của châu Âu (EU Deforestation Regulation - EUDR)¹. Quy định này chính thức có hiệu lực vào ngày 29/6/2023.

Theo EU, việc chặt phá và làm suy giảm chất lượng rừng đang diễn ra với tốc độ đáng báo động trên toàn thế giới. Mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp là động lực chính, là nguyên nhân làm mất 90% trong tổng số diện tích rừng bị mất rừng trên toàn cầu. Theo Báo cáo đặc biệt về biến đổi khí hậu và đất đai năm 2019 của Ủy ban Liên quốc gia về Biến đổi Khí hậu (IPCCC), mất rừng và suy thoái rừng

¹ Truy cập văn bản chính thức phát hành tại địa chỉ: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:32023R1115>

đóng góp 11% lượng khí nhà kính phát thải trên thế giới. Theo ước tính của EU, thị trường khối này nhập khẩu và tiêu thụ tới 1/3 lượng hàng hóa mậu dịch toàn cầu liên quan đến mất rừng từ năm 1990 tới năm 2008. Ý thức được điều này, EU đã ban hành EUDR với mục tiêu giảm thiểu sự đóng góp của khối này vào quá trình mất rừng toàn cầu, đồng thời hạn chế phát thải khí nhà kính và suy thoái đa dạng sinh học, thông qua việc cấm nhập khẩu các mặt hàng nông – lâm sản có liên quan tới mất rừng vào EU.

Phạm vi áp dụng

EUDR điều chỉnh 7 nhóm hàng nông-lâm sản có rủi ro cao về làm mất rừng, bao gồm **dầu cọ, đậu nành, gỗ, ca cao, cà phê, gia súc và cao su**. Ngoài các mặt hàng này, các sản phẩm dẫn xuất được sản xuất, chế biến từ các mặt hàng này hư da thuộc, hóa chất làm từ dầu cọ, bột giấy và giấy, các loại ván gỗ nhân tạo, đồ nội thất và các sản phẩm gỗ khác, v.v. cũng chịu sự điều chỉnh của EUDR.

Yêu cầu cốt lõi

EUDR đưa ra 2 yêu cầu cốt lõi để 7 nhóm mặt hàng trên được lưu thông tại thị trường này, bao gồm **không làm mất rừng** và **hợp pháp**.

Hình 1: Hai yêu cầu cốt lõi đối 7 nhóm mặt hàng khi lưu thông tại EU

Không làm mất rừng: Sản phẩm sản xuất trên các diện tích đất không liên quan tới mất rừng hoặc suy thoái rừng từ thời điểm 31/12/2020 về sau

- 'Mất rừng' được hiểu là hoạt động chuyển đổi từ rừng sang đất nông nghiệp.
- 'Suy thoái rừng' là sự chuyển đổi mang tính chất hệ thống từ rừng tự nhiên hoặc rừng tái sinh tự nhiên sang các diện tích rừng trồng.

Hợp pháp: Quá trình sản xuất ra sản phẩm tuân thủ toàn bộ các yêu cầu liên quan của quốc gia sản xuất.

- Quyền về đất đai
- Quy định về bảo vệ môi trường
- Quy định liên quan tới rừng (bao gồm quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học)
- Quyền của bên thứ ba (quyền cộng đồng)
- Quyền của người lao động, quyền con người theo các công ước quốc tế mà quốc gia đó đã ký kết, nguyên tắc đồng thuận tự nguyện, được thông báo trước và thông tin đầy đủ (FPIC) được đưa ra trong tuyên bố về quyền của người bản địa (của Liên hợp quốc)
- Quy định về thuế, phí, thương mại, hải quan, v.v.

Nguồn: EUDR

3. Nghĩa vụ của doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa

Theo EUDR, DN nhập khẩu một trong 7 loại hàng hóa nêu trên vào thị trường EU cần đáp ứng các yêu cầu sau:

Quản lý chặt chẽ rủi ro trong chuỗi cung ứng

Để chứng minh sản phẩm thỏa mãn cả hai điều kiện không gây mất rừng và hợp pháp, trước khi đưa sản phẩm vào lưu thông tại thị trường EU DN cần nộp bản **due diligence statement** (tạm dịch là **Cam kết thẩm định chuỗi cung** – gọi tắt là “Cam kết”) và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ thông tin trong Cam kết này. Để cung cấp thông tin trong Cam kết, DN cần thực hiện 3 bước: **thu thập thông tin – đánh giá rủi ro – giảm thiểu rủi ro**, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ báo cáo khi cần.

Bước 1. Thu thập thông tin. Thông tin DN cần thu thập bao gồm các khía cạnh về toàn bộ chuỗi cung ứng. Cụ thể:

- Mô tả về sản phẩm, tên loài/ tên khoa học (đối với sản phẩm gỗ);
- Lượng và đơn vị tính của sản phẩm;
- Quốc gia và vùng (nếu có thể) sản xuất;
- Thời gian sản xuất cũng như tọa độ (coordinates) xác định vị trí địa lý (geolocation) của thửa đất sử dụng để sản xuất ra sản phẩm nhằm chứng minh sản phẩm không làm mất rừng hay suy thoái rừng. Đối với các thửa đất có diện tích trên 4 ha, DN cần thu thập tọa độ địa lý của các điểm thuộc đường đa giác (polygon) mô tả ranh giới thực tế của thửa đất đó. EU khuyến khích sử dụng các dữ liệu và dịch vụ không gian cung cấp trong khuôn khổ Chương trình vũ trụ của EU (EGNOS/Galileo and Copernicus).
- Tên, địa chỉ, email của các cá nhân, đơn vị đã cung cấp sản phẩm đó cho DN;
- Tên, địa chỉ, email của các cá nhân, đơn vị đã được DN cung cấp sản phẩm đó;
- Các bằng chứng khác chứng minh rằng sản phẩm không gây mất rừng;
- Các bằng chứng khác chứng minh rằng sản phẩm được sản xuất theo quy định của pháp luật, bao gồm quyền sử dụng đất để sản xuất sản phẩm này.

Bước 2. Đánh giá rủi ro. Dựa trên thông tin thu thập tại bước 1, DN cần đánh giá rủi ro trong các hoạt động của chuỗi. Tiêu chí để đánh giá rủi ro có thể bao gồm một số yếu tố như sau:

- Kết quả phân loại rủi ro của quốc gia hay vùng sản xuất (country benchmarking) thuộc quốc gia đó được EU công bố (phân loại rủi ro cao, thấp, trung bình)
- Thực trạng tài nguyên rừng của quốc gia/ vùng sản xuất
- Tính phức tạp của chuỗi cung và các khâu trong chuỗi, đặc biệt khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm tới tận thửa đất
- Mức độ phổ biến của tình trạng mất rừng và suy thoái rừng tại quốc gia (vùng) sản xuất
- Quyền của của người bản địa về nơi sản phẩm được sản xuất dựa trên thông tin, bằng chứng có thể kiểm chứng
- Các lo ngại về quốc gia (vùng) sản xuất và nguồn gốc xuất xứ về mức độ tham nhũng, tài liệu giả, thực thi luật pháp yếu, vi phạm trong thực hiện các công ước...
- Các quan ngại từ bên thứ ba

Bước 3. Giảm thiểu rủi ro. Để giảm thiểu rủi ro, DN có thể áp dụng nhiều biện pháp, trong đó có:

- Yêu cầu nhà cung cấp bổ sung thông tin, số liệu, các bằng chứng
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập chuỗi cung ứng
- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro chặt chẽ hơn

Bản Cam kết thẩm định chuỗi cung cần trình bày đầy đủ các thông tin trong 3 bước nêu trên.

Mặt khác EUDR yêu cầu các DN không thuộc diện vừa và nhỏ (SME) phải báo cáo công khai hàng năm về hệ thống trách nhiệm giải trình và các công việc đã làm để hoàn thành trách nhiệm này.

Phân loại rủi ro đối với quốc gia (vùng) sản xuất và mức độ kiểm tra hàng hóa nhập khẩu

Theo EUDR mức độ kiểm soát hàng hóa nhập khẩu được thực hiện dựa trên kết quả phân loại rủi ro với quốc gia/vùng sản xuất cung các sản phẩm cho EU. EU dự kiến sẽ đánh giá rủi ro mất rừng và suy thoái rừng ở cấp quốc gia hoặc khu vực địa lý trực thuộc một quốc gia sản xuất dựa trên các tiêu chí phân loại quốc gia (**country benchmarking**) theo nhóm rủi ro từ cao đến thấp. Theo EUDR, các quốc gia /vùng sẽ được phân thành 3 nhóm: rủi ro cao (high risk), rủi ro trung bình (standard risk) và rủi ro thấp (low risk).

Một số tiêu chí chính được EU áp dụng để phân loại quốc gia bao gồm:

- Tốc độ mất rừng và suy thoái rừng tại các quốc gia này
- Tốc độ mở rộng diện tích đất nông nghiệp cho các loại sản phẩm liên quan
- Các xu thế sản xuất các sản phẩm liên quan

Kết quả phân loại rủi ro đối với quốc gia cung các mặt hàng cho EU sẽ quyết định mức độ kiểm soát nhập khẩu đối với các hàng hóa nằm trong phạm vi điều chỉnh của EUDR xuất xứ từ các quốc gia này. Mức độ kiểm soát đơn giản đối với hàng hóa được sản xuất từ các nước/ vùng rủi ro thấp và ngược lại (Bảng 1).

Bảng 1: Mức độ kiểm soát nhập khẩu hàng năm đối với hàng hóa từ các quốc gia/ vùng sản xuất theo mức độ rủi ro

Phân loại rủi ro	Tỷ lệ kiểm tra nhà nhập khẩu tối thiểu	Tỷ lệ kiểm tra hàng hóa tối thiểu
Thấp	1%	-
Trung bình	3%	-
Cao	9%	9%

Nguồn: Điều 16 của EUDR

Cơ quan kiểm soát nhập khẩu của EU sẽ phân tích thông tin về khía cạnh rủi ro làm mất rừng có liên quan tới quá trình sản xuất sản phẩm tại quốc gia sản xuất. Cơ quan này cũng tham khảo thông tin khác như liệu DN trước đó đã có hoạt động không tuân thủ với các yêu cầu của luật pháp. Trên cơ sở thông tin trong Cam kết thẩm định chuỗi cung của DN và tham khảo với các nguồn thông khác, cơ quan kiểm soát nhập khẩu có thể tiếp cận với nguồn thông tin chia sẻ từ các cơ quan quản lý hay bên liên quan khác ở nước sản xuất, dựa trên đó ra quyết định về mức độ kiểm tra hàng hóa nhập khẩu. Một số tiêu chí mà cơ quan kiểm soát nhập khẩu có thể sử dụng để khoanh vùng đối tượng cần kiểm tra bao gồm:

- Loại sản phẩm;
- Mức độ phức tạp và độ dài của chuỗi cung ứng, bao gồm khả năng pha trộn các sản phẩm liên quan và giai đoạn chế biến sản phẩm;
- Khoảng cách từ thửa đất sản xuất sản phẩm tới khu vực rừng;
- Kết quả phân loại rủi ro mất rừng của quốc gia sản xuất;
- Lịch sử không tuân thủ của DN;
- Rủi ro lách luật;
- Bất cứ thông tin nào khác có liên quan, ví dụ như cảnh báo vi phạm từ các tổ chức quốc tế.

Kết quả phân tích sẽ giúp cơ quan kiểm soát nhập khẩu quyết định cần kiểm tra những DN và sản phẩm nào. Việc kiểm tra có thể bao gồm:

- Kiểm tra hệ thống trách nhiệm giải trình, bao gồm quy trình đánh giá và giảm thiểu rủi ro, thu thập và lưu trữ hồ sơ;
- Kiểm tra hàng hóa thực tế;
- Kiểm tra các biện pháp khắc phục;
- Các biện pháp khoa học kỹ thuật để xác định loài và xuất xứ địa lý của sản phẩm, như giám định DNA, hóa học, v.v.;
- Các biện pháp khoa học kỹ thuật để xác định sản phẩm không gây mất rừng, bao gồm dữ liệu quan trắc bằng vệ tinh;
- Kiểm tra trên thực địa nếu cần thiết và khả thi.

Các cuộc kiểm tra nhìn chung sẽ không được thông báo trước cho DN trừ trường hợp cần thiết. Trong trường hợp phát hiện vi phạm, các quốc gia thành viên EU thể ủy quyền cho các cơ quan kiểm soát nhập khẩu yêu cầu các DN thanh toán các chi phí kiểm tra như lưu kho, giám định, v.v. Ngoài số lượng kiểm tra hàng năm bắt buộc nêu trên, các cơ quan kiểm soát nhập khẩu có thể tiến hành điều tra đột xuất khi họ phát hiện ra hoặc được thông báo bởi một bên thứ ba về các dấu hiệu vi phạm.

Biện pháp khắc phục và xử lý vi phạm

Khi cơ quan thẩm quyền EU xác định DN không tuân thủ quy định của EUDR hay sản phẩm đang được kinh doanh hay xuất khẩu vào thị trường EU không tuân thủ EUDR, cơ quan này sẽ yêu cầu doanh nghiệp hay thương nhân thực hiện ít nhất một trong số những biện pháp khắc phục sau:

- Khắc phục các điểm không tuân thủ, đặc biệt là các điểm về nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình;
- Ngăn chặn việc đưa sản phẩm ra lưu thông tại thị trường EU;
- Rút lại hoặc thu hồi sản phẩm ngay lập tức;
- Quyên góp sản phẩm cho mục đích từ thiện hoặc công cộng, hoặc nếu điều này không khả thi thì hủy bỏ sản phẩm theo quy định của EU.

Các hành vi vi phạm và không khắc phục vi phạm có thể dẫn tới việc DN phải nộp phạt (tối đa 4% tổng doanh thu của DN trong năm trước đó tại EU), tịch thu tiền và hàng hóa trong giao dịch vi phạm, cấm tham gia trong thời hạn 12 tháng vào các gói mua sắm công hoặc các hoạt động sử dụng ngân sách công, thậm chí là cấm tạm thời không cho phép DN đưa sản phẩm đó vào thị trường EU nếu vi phạm nặng.

4. Việt Nam xuất khẩu cà phê, cao su và gỗ sang EU

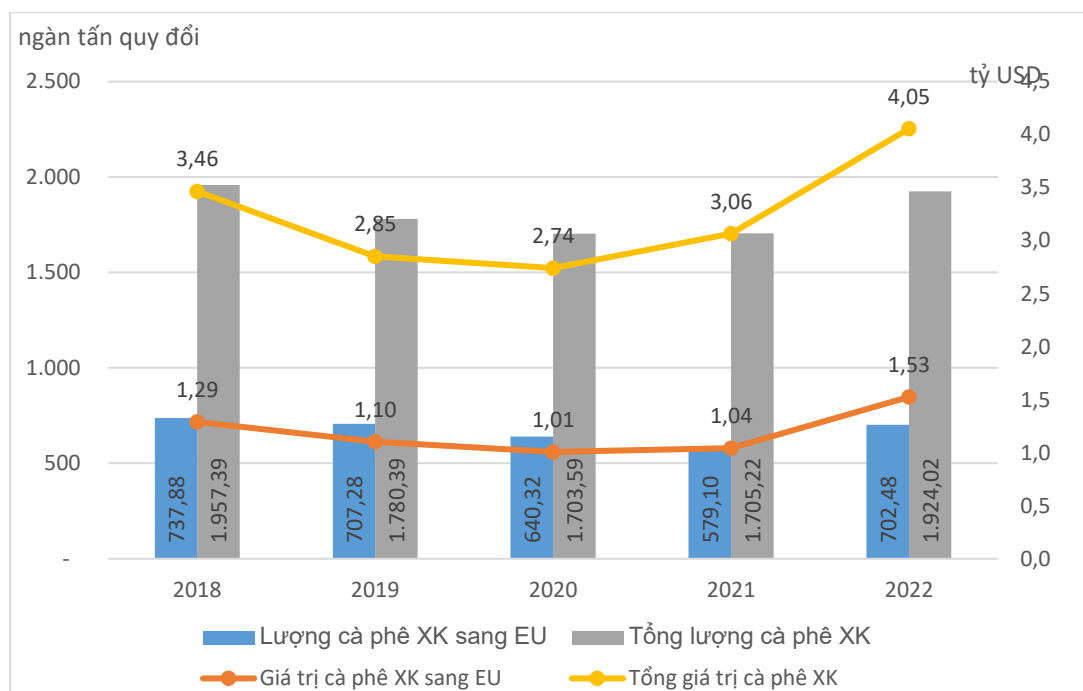
EU hiện là một trong những đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam. Trong số 7 mặt hàng chịu sự điều chỉnh của EUDR, Việt Nam có 3 ngành hàng xuất khẩu chủ lực là cà phê, gỗ và cao su với tổng kim ngạch xuất khẩu gần 3 tỉ USD mỗi năm. Phần dưới đây sẽ cung cấp một số thông tin về chuỗi cung ba ngành hàng này của Việt Nam. Một số thông tin tóm tắt về thực trạng của ba ngành được trình bày tại Bảng 2.

Cà phê

Ngành cà phê Việt Nam đã có lịch sử gần 40 năm hình thành và phát triển sau thời kỳ Đổi mới. Diện tích trồng cà phê của Việt Nam đã tăng liên tiếp trong thập kỷ 90, đưa Việt Nam trở thành nước xuất

khẩu cà phê nhân lớn đứng thứ hai trên thế giới, đặc biệt là nước sản xuất cà phê robusta lớn nhất trên toàn cầu². Đến năm 2021, cả nước có 20 tỉnh trồng cà phê với tổng diện tích hơn 700 ngàn ha với hơn 90% tập trung ở Tây Nguyên; diện tích ít còn lại phân bố rải rác ở khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Sơn La), Đồng Nai, Quảng Trị.

Hình 2: Lượng và giá trị cà phê Việt Nam xuất khẩu sang EU so với tổng lượng và giá trị cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2022



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của Forest Trends

Năm 2022 Việt Nam đã xuất khẩu tổng số hơn 1,9 triệu tấn cà phê quy đổi³, trị giá 4 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU là hơn 700 triệu tấn, tương đương 1,5 tỷ USD, chiếm lần lượt khoảng 36% về lượng và 38% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam (Hình 2).

EUDR có mục tiêu chặn các luồng cung vào EU các mặt hàng làm mất rừng và suy thoái rừng, với thời điểm mất rừng được tính từ 31/12/2020 trở đi. Nhìn chung diện tích trồng cà phê của Việt Nam đã tương đối ổn định trước thời điểm tháng 31/12/2020, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên, chuỗi cung ứng của ngành dài và phức tạp, với nhiều khâu trung gian (tư thương) tham gia thu mua và đồng đảo các nông hộ tham gia khâu sản xuất. Hiện con số các hộ tham gia khâu sản xuất của chuỗi chưa nhất quán: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra con số 700.000 hộ tham gia, với khoảng 1,8 triệu thửa đất trồng cà phê, trong khi Hiệp hội Cà phê Việt Nam (VICOFA) đưa ra con số 1,4 triệu hộ trồng cà phê với diện tích canh tác của mỗi hộ từ 0,2 đến 5 ha và bình quân mỗi hộ có 2-3 thửa đất trồng. Số lượng nông hộ tham gia đồng đảo, đất đai sản xuất manh mún khiến việc theo dõi nguồn gốc chính xác của cà phê đến tận vị trí địa lý của từng thửa đất sản xuất rất khó khăn và đòi hỏi chi phí cao. Ngoài ra, hiện vẫn còn tồn tại một tỷ lệ khoảng 30% nông hộ trồng cà phê chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mình đang sử dụng. Một số diện tích trồng hiện nằm trên đất lâm nghiệp và/hoặc trùng lấp với đất do các công ty lâm nghiệp quản lý.

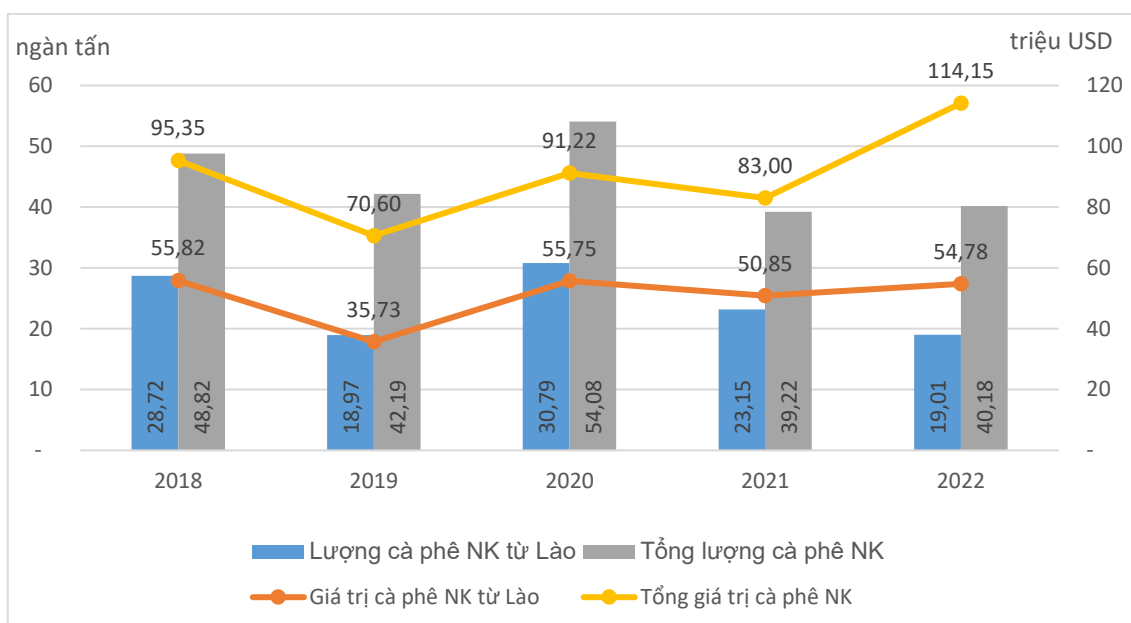
Bên cạnh nguồn cung trong nước, mỗi năm vẫn nhập khẩu khoảng 20-30 ngàn tấn cà phê nguyên liệu trị giá hơn 50 triệu USD từ Lào (Hình 3). Hiện thông tin về luồng cung này, bao gồm cả những thông tin về vị trí địa lý của các mảnh đất sản xuất mặt hàng nhập khẩu này vẫn chưa rõ. Mặc dù lượng nhập

² <http://www.ico.org/documents/cy2018-19/icc-124-9e-profile-vietnam.pdf>

³ Bao gồm cà phê nhân và cà phê hòa tan

khẩu nhỏ, thiếu thông tin về chuỗi cung nhập khẩu này, bao gồm cả các khía cạnh về tính pháp lý là một trong số các yếu tố tiềm tàng ảnh hưởng đến rủi ro của luồng cung trong nước và xuất khẩu.

Hình 3: Lượng và giá trị cà phê nhân nhập khẩu từ Lào so với tổng lượng và giá trị cà phê nhân nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2022



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của Forest Trends

Gỗ rừng trồng

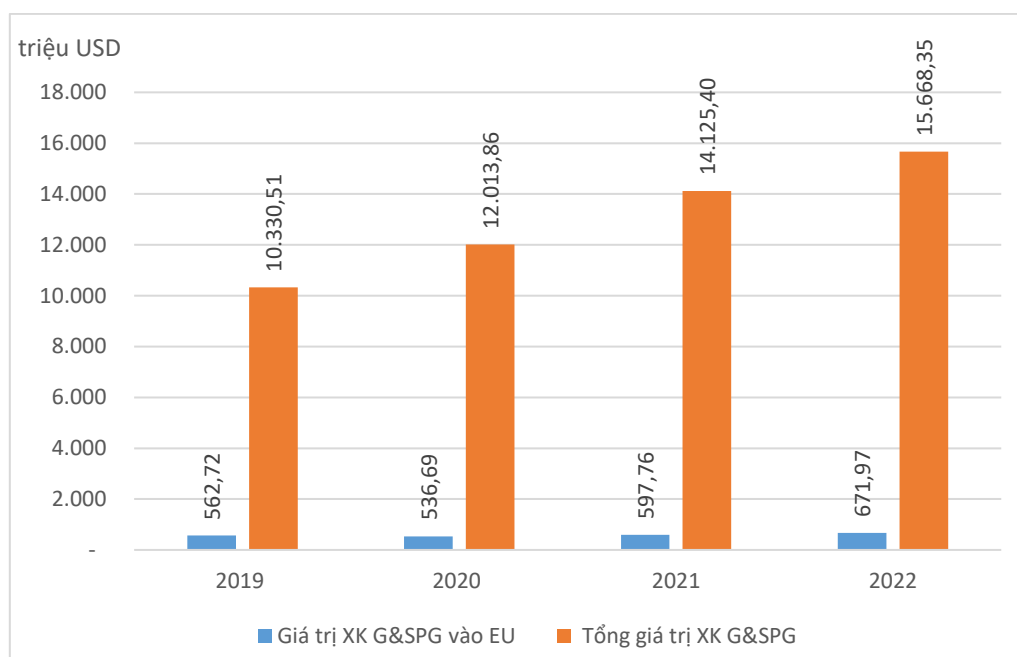
Với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong thập kỷ vừa qua, đạt trên 15,6 tỉ USD năm 2022 (Hình 4), gỗ và sản phẩm gỗ (G&SPG) đã trở thành một trong những ngành xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam, nằm trong top 10 ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu hàng năm lớn nhất. Mỗi năm Việt Nam xuất khẩu khoảng trên dưới 600 triệu USD G&SPG vào thị trường EU. EU hiện nằm trong top 5 thị trường xuất khẩu lớn của ngành gỗ.

Các mặt hàng gỗ Việt Nam xuất khẩu sang EU chủ yếu có nguồn gốc từ gỗ rừng trồng trong nước và gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ các nguồn rủi ro thấp, có chứng chỉ bền vững, như từ EU và Hoa Kỳ. Tuy nhiên cho đến nay chưa có các con số thống kê về lượng gỗ rừng trồng trong nước được sử dụng trong các sản phẩm xuất khẩu vào EU. Hầu hết toàn bộ nguồn gỗ nguyên liệu rủi ro là gỗ nhiệt đới nhập khẩu vào Việt Nam được sử dụng với mục đích tiêu thụ nội địa. Việt Nam hiện đang thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chuyển đổi rừng tự nhiên sang các mục đích sử dụng khác nên diện tích rừng tự nhiên không có biến động đáng kể. Hơn nữa, các nhà mua tại EU đã và đang áp dụng nhiều tiêu chuẩn sản xuất và tiêu dùng bền vững tự nguyện đối với các sản phẩm gỗ, ví dụ các sản phẩm có chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững FSC. Đồng thời Việt Nam và EU đã ký kết Hiệp định VPA/FLEGT theo đó Việt Nam cam kết tất cả các mặt hàng gỗ xuất khẩu sang EU là hợp pháp và không gây mất rừng. Hiện Việt Nam đang tích cực nội luật hóa và xây dựng hệ thống kiểm soát gỗ hợp pháp để kiểm soát toàn bộ chuỗi cung, bao gồm cả chuỗi cung nội địa và xuất khẩu, theo đó Chính phủ yêu cầu DN thực hiện trách nhiệm giải trình đối với chuỗi cung ứng của mình. Theo EUDR, gỗ có chứng chỉ FLEGT nhìn chung đáp ứng được các yêu cầu của EUDR.

Chuỗi cung gỗ rừng trồng trong nước hiện nay tương đối dài và phức tạp. Hiện có trên 1,1 triệu hộ tham gia trồng rừng, mỗi hộ trung bình 2-3 mảnh đất. Khâu thu mua gỗ rừng trồng từ hộ có sự tham gia đông đảo của mạng lưới tư thương. Các giao dịch ở các khâu trung gian trong chuỗi, đặc biệt giữa hộ và các tư thương có lỏng lẻo, chưa tuân thủ tốt các yêu cầu của pháp luật quy định đối với các giao

dịch này. Điều này làm cho việc truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ rừng trồng của hộ gặp phải khó khăn.

Hình 4: Giá trị gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang EU so với tổng kim ngạch gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2022



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của Forest Trends

Cao su

So với gỗ và cà phê, ngành cao su có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu vào EU khiêm tốn hơn. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu cao su (CS) và sản phẩm cao su (SPCS) sang EU đạt lần lượt 120 triệu USD và 462 triệu USD, chiếm khoảng 8,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su và sản phẩm cao su của Việt Nam⁴ (Hình 5). Các diện tích trồng cao su đã ổn định từ nhiều năm nay nên nhìn chung nguồn cao su thiên nhiên nội địa ít có nguy cơ bị phân loại rủi ro mất rừng theo quy định EUDR.

Việt Nam cũng nhập khẩu một lượng lớn cao su nguyên liệu từ Cam-pu-chia và Lào. Lượng nhập khẩu từ Cam-pu-chia đã tăng đột biến kể từ năm 2020 (Hình 6). Kim ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên⁵ từ Campuchia tăng từ mức hơn 165 triệu USD năm 2019 lên hơn 1,5 tỷ USD trong năm 2021 và 2022. Lượng nhập khẩu cũng tăng gần 10 lần trong cùng giai đoạn. Luồng cung cao su nguyên liệu từ Campuchia chiếm hơn 60% về lượng và khoảng 50% về giá trị trong số các thị trường cung cấp cao su nguyên liệu cho Việt Nam. Tuy tốc độ tăng trưởng thấp hơn nhiều nhưng luồng cung từ Lào cũng đạt 196,9 ngàn tấn và hơn 242 triệu USD trong năm 2022, chiếm khoảng 8% tổng kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam.

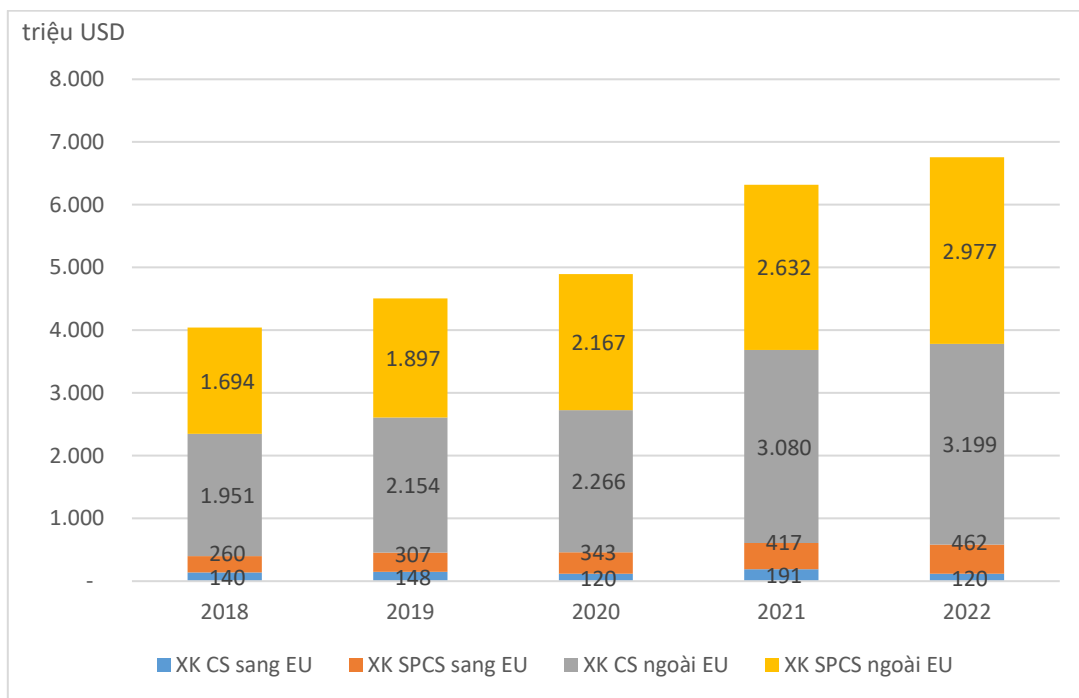
Giống như đối với cà phê và gỗ, chuỗi cung ngành cao su dài và phức tạp, với hàng trăm ngàn hộ tiểu điền tham gia khâu sản xuất mủ cao su, mạng lưới thu mua có sự tham gia đồng đảo của các tư thương, các giao dịch trong chuỗi chưa chặt chẽ. Điều này gây khó khăn cho việc kiểm soát nguồn gốc. Luồng cung từ Cam-pu-chia lớn và tăng trưởng đột biến trong thời gian gần đây, thông tin về tính hợp pháp của luồng cung này còn hạn chế làm xuất hiện một số lo ngại về tính hợp pháp của nguồn này. Điều

⁴ Tổng cục Hải quan không tách rời cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp khi thống kê số liệu xuất nhập khẩu cao su.

⁵ Cao su nguyên liệu nhập khẩu từ Lào và Cam-pu-chia có chứa tỷ lệ rất nhỏ cao su tổng hợp và chủ yếu là cao su thiên nhiên.

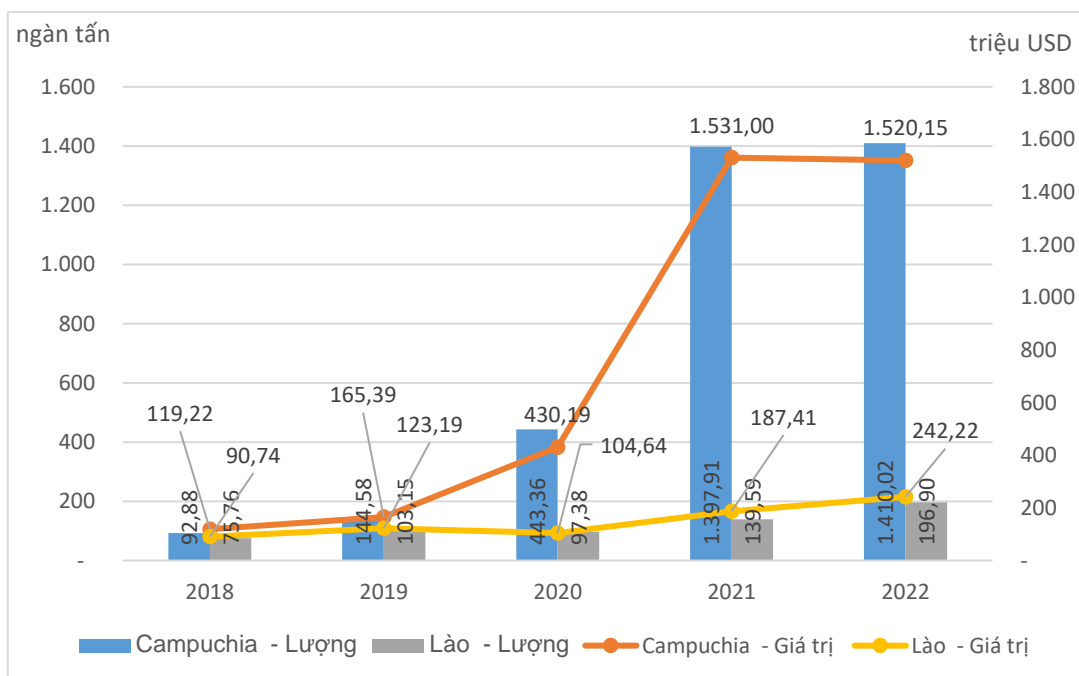
này có ý nghĩa rất lớn tới việc ngành cao su Việt Nam đáp ứng như thế nào đối với các yêu cầu của EUDR trong tương lai.

Hình 5: Giá trị CS&SPCS xuất khẩu sang EU so với tổng kim ngạch xuất khẩu CS&SPCS sang các thị trường khác giai đoạn 2018 – 2022



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của Forest Trends

Hình 6: Lượng và giá trị nhập khẩu CS&SPCS từ Cam-pu-chia và Lào vào Việt Nam giai đoạn 2018 - 2022



Nguồn: Số liệu do Tổng cục Hải quan công bố

Bảng 2: Một số khía cạnh về chuỗi cung hiện tại của ngành cà phê, gỗ rừng trồng trong nước và cao su

Ngành hàng	Diện tích	Đặc điểm chuỗi cung	Rủi ro mất rừng	Một số vấn đề tồn tại của ngành/ chuỗi cung
Cà phê	khoảng 710 ngàn ha	<ul style="list-style-type: none"> - Đông đảo các hộ gia đình tham gia chuỗi cung (700.000 hộ). Đất đai của các hộ phân tán, manh mún, trung bình mỗi hộ 2-3 mảnh, mỗi mảnh diện tích dưới 1 ha. - Diện tích của nông hộ chiếm 80 - 90% trong tổng diện tích. Mạng lưới thương lái thu mua rộng, từ cấp thôn đến huyện, tỉnh và tới các nhà chế biến. - Các giao dịch trong chuỗi - trừ các giao dịch có liên quan tới chứng chỉ cà phê bền vững - hầu như chưa quan tâm tới các khía cạnh pháp lý mà trọng tâm vào giá cả và chất lượng sản phẩm. - Hiện khoảng 40% diện tích trồng đã đạt chứng chỉ bền vững và 50% tổng lượng cung đầu ra có chứng chỉ. - Nhiều mô hình liên kết giữa nông hộ và công ty thông qua mạng lưới thương lái trung gian. Hầu hết các liên kết này nhằm mục đích sản xuất cà phê bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích cà phê hiện tương đối ổn định, đa số đã hình thành từ trước thời điểm 31/12/2020. Các vùng rủi ro về mất rừng ít - Diện tích cà phê mới mở rộng nhỏ. - Cà phê tăng giá có thể sẽ làm tăng nguy cơ mất rừng trong tương lai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuỗi có nhiều khâu trung gian. Liên kết trong chuỗi lỏng lẻo, chưa có cam kết ràng buộc về đầu vào, đầu ra giữa hộ và công ty. - Nhiều hộ và đại lý thu mua chưa có hệ thống phân biệt giữa luồng cung cà phê có chứng chỉ và không có chứng chỉ. - Lợi ích kinh tế mang lại cho hộ từ sản xuất cà phê có chứng chỉ chưa đủ mạnh để khuyến khích mở rộng các diện tích bền vững. - Mô hình hợp tác xã chưa phát triển. - Khoảng 20-30% số hộ chưa có được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất đang sử dụng - Thông tin về các khâu của chuỗi còn thiếu.
Gỗ rừng trồng	3,5 triệu ha rừng trồng là rừng sản xuất; 0,7 triệu ha là rừng trồng nằm trong diện tích rừng phòng hộ	<ul style="list-style-type: none"> - 1,1 triệu hộ với 1,4 triệu ha rừng trồng là rừng sản xuất; diện tích rừng sản xuất còn lại (2,1 triệu ha) là các diện tích được quản lý bởi các công ty lâm nghiệp nhà nước (chủ yếu), các HTX và một số công ty tư nhân (ít). Đây là các nguồn cung chính cung gỗ rừng trồng cho chế biến. - Chuỗi cung dài, với nhiều bên tham gia chuỗi, bao gồm các đại lý thu mua, các cơ sở chế biến nhỏ lẻ (xưởng xẻ, các cơ sở băm dăm, ván bóc, viên nén, MDF, gỗ dán, đồ gỗ) - Hiện diện tích rừng đạt chứng chỉ bền vững chiếm dưới 10% tổng diện tích rừng sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro thấp do do tình trạng chuyển đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng hầu như ít diễn ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuỗi cung dài với sự tham gia của nhiều bên, đặc biệt là tại khâu trồng rừng và người thu mua gỗ. Giao dịch giữa hộ với người thu mua gỗ thường thiếu các bằng chứng về pháp lý. Điều này tác động trực tiếp tới các giao dịch tại các khâu tiếp theo của chuỗi. Ách tác hoàn thuế VAT hiện nay là minh chứng điển hình cho vấn đề này của chuỗi. - Liên kết giữa công ty và các hộ trồng rừng còn hạn chế. Hầu hết nguồn gỗ từ hộ đi qua các kênh thương lái trước khi đi vào các khâu tiếp theo của chuỗi. - Một số diện tích đất chõng lẩn giữa hộ và công ty lâm nghiệp và/hoặc đất do xã quản lý. Một số hộ chưa được cấp sổ đỏ.
Cao su	Diện tích khoảng 918 ngàn ha, chưa kể các diện tích của các DN Việt đầu tư tại Campuchia và Lào	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích của các hộ tiểu điền chiếm hơn 50% trong tổng diện tích, còn lại là đại điền (chủ yếu là từ các công ty nhà nước). Hiện khoảng 245.000 hộ tham gia khâu trồng cao su. - Khâu thu mua từ tiểu điền được các thương lái đảm nhận. Hệ thống thương lái phức tạp. Hoạt động mua – bán giữa các hộ và thương lái diễn ra tự phát; các bên trú trọng tới giá cả và chất lượng, ít quan tâm tới khía cạnh pháp lý. - Lượng cao su tự nhiên nhập khẩu lớn, đặc biệt từ Cam-pu-chia. - Diện tích có chứng chỉ đang tăng mạnh, tập trung gần như toàn bộ vào các diện tích cao su đại điền của Tập đoàn Cao su. 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích cao su hiện tương đối ổn định, đa số đã hình thành từ trước thời điểm 31/12/2020. Các vùng rủi ro về mất rừng ít 	<ul style="list-style-type: none"> - Hầu như không có liên kết giữa công ty với hộ mà hộ chủ yếu bán qua khâu trung gian nên khó truy xuất nguồn gốc, đặc biệt đối với nguồn cung từ tiểu điền. - Thiếu thông tin về ngành/ chuỗi cung - Chuỗi cung nhập khẩu phức tạp, đặc biệt đối với luồng cung nhập khẩu từ Campuchia. - Hiện tại cao su có giá thấp nên có rủi ro mất rừng thấp - Nguồn cung từ Lào và Cam-pu-chia hầu như không thể kiểm soát rủi ro do thiếu thông tin đối với luồng cung này.

Nguồn: Nhóm nghiên cứu Forest Trends tổng hợp từ kết quả phỏng vấn thực địa và các báo cáo liên quan.

5. Doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì để đáp ứng EUDR?

Thực hiện EUDR nằm trong nỗ lực của EU nhằm chống mất rừng nhằm cắt giảm phát thải khí nhà kính và chống biến đổi khí hậu trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh (Green Deal). Không riêng EU, các thị trường xuất khẩu quan trọng khác của Việt Nam như Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v. cũng đang nghiên cứu các đạo luật tương tự như EUDR. Doanh nghiệp Việt Nam cần gấp rút nghiên cứu và chuẩn bị kỹ càng nhằm đáp ứng đầy đủ với các yêu cầu của EUDR. Đáp ứng tốt EUDR cũng sẽ giúp các DN đáp ứng với các yêu cầu tương tự tại các thị trường xuất khẩu khác trong tương lai.

Trong một bản tin khác về EUDR, Nhóm nghiên cứu đã đưa ra các khuyến nghị cụ thể về những hành động mà Chính phủ Việt Nam cần thực hiện sớm, bao gồm chuẩn bị thông tin chứng minh Việt Nam thuộc nhóm rủi ro thấp về mất và suy thoái rừng. Nhóm cũng khuyến nghị Chính phủ thiết lập kênh đối thoại với EU nhằm giảm thiểu các diễn biến bất lợi cho ngành cà phê, gỗ và cao su. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Khung kế hoạch hành động thích ứng với EUDR, nhấn mạnh vào các hoạt động ở cả cấp trung ương và địa phương nhằm tăng cường giám sát các vùng rủi ro cao về mất rừng, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, rà soát bản đồ thực địa, v.v.⁶ Khung kế hoạch hành động cũng yêu cầu các hiệp hội ngành hàng phối hợp tích cực với các thành viên của mình, đánh giá chuỗi cung và đưa ra các giải pháp nhằm củng cố chuỗi cung, đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc.

Về phía DN, các DN và hiệp hội cũng cần tích cực, chủ động phối hợp với Chính phủ và các ban ngành trong quá trình 18 tháng (hoặc 24 tháng) chuẩn bị trước khi EU chính thức triển khai EUDR vào tháng 12/2024 hoặc tháng 6/2025 tùy theo quy mô doanh nghiệp nhập khẩu vào EU. Một số hành động mà doanh nghiệp, hiệp hội cần tiến hành càng sớm càng tốt bao gồm:

- Chủ động đánh giá toàn bộ chuỗi cung của ngành mình nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan bao gồm cả EU, nhà nhập khẩu EU và các tổ chức quốc tế.
- Các hiệp hội chủ trì việc xây dựng các báo cáo tổng quan của ngành, thu thập thông tin về thực trạng sản xuất, các vùng nguyên liệu, chuỗi cung ứng, v.v. Chia sẻ các báo cáo này với các bên liên quan, bao gồm người mua hàng của mình và EU để các bên có thể có những đánh giá khách quan về thực trạng của ngành cũng như những rủi ro về mất rừng liên quan đến các hoạt động sản xuất và kinh doanh của ngành.
- Hiệp hội phối hợp với các ban ngành liên quan, như Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên môi trường, UBND cấp tỉnh thành và các cơ quan quản lý cấp địa phương để thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin về quy định mới trong EUDR, triển khai tập huấn cho doanh nghiệp và nông hộ về các yêu cầu trong quy định này.
- Các DN cần tích cực rà soát, đánh giá lại chuỗi cung hiện tại của mình, xác định các rủi ro liên quan tới chuỗi và thực hiện trước các biện pháp giảm thiểu rủi ro theo khuyến nghị trong EUDR:
 - Rà soát toàn bộ các bên tham gia chuỗi cung, từ hộ, hệ thống thương lái, các cơ sở chế biến; tổng hợp và lưu trữ toàn bộ thông tin về hộ tham gia chuỗi và các đại lý, bên liên quan, thu thập thông tin chi tiết tới từng thửa đất của nông hộ.
 - Đánh giá hệ thống nhà cung cấp (đại lý), bao gồm đầu vào và đầu ra, cơ sở dữ liệu lưu trữ, hệ thống quản lý thông tin.
 - Xác định các hoạt động cần thiết và xây dựng lộ trình thực hiện để đáp ứng các yêu cầu của EUDR, bắt đầu từ các diện tích/ chuỗi cung có chứng chỉ, sau đó mở rộng sang các diện tích khác.
 - Chủ động phối hợp với các hiệp hội và cơ quan quản lý nhà nước để cung cấp thông tin nhằm chuẩn bị đối thoại với EU khi cần.

⁶ Chi tiết Khung kế hoạch xem tại: [khung-khhd-thich-ung-voi-quy-dinh-khong-gay-mat-rung-12-7-2022.docx \(live.com\)](https://www.live.com/khung-khhd-thich-ung-voi-quy-dinh-khong-gay-mat-rung-12-7-2022.docx)

EU sẽ sử dụng phương pháp bao trùm để phân loại quốc gia /vùng sản xuất. Các quốc gia/vùng sản xuất cung các mặt hàng cho EU sẽ được phân loại theo 1 trong 3 mức rủi ro – cao, trung bình và thấp. Việt Nam hiện đang cung 3 mặt hàng nêu trên cho EU. Chuỗi cung và động lực của chuỗi đối với 3 mặt hàng này khác nhau. Rủi ro có liên quan tới mất rừng của 3 mặt hàng này cũng khác nhau. Trong bối cảnh EU áp dụng phương pháp bao trùm để phân loại rủi ro của quốc gia/vùng, rủi ro do mất rừng của một ngành hàng này có thể sẽ có tác động trực tiếp tới ngành hàng khác. Điều này đòi hỏi 3 ngành cần phối hợp nhằm đưa ra cách tiếp cận đồng nhất, phối hợp với các cơ quan quản lý của Việt Nam, nhằm đưa ra cách tiếp cận đồng nhất với EU trong việc sử dụng các tiêu chí phân loại quốc gia/vùng sản xuất dựa trên mức độ rủi ro về mất rừng.